

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NỘI THẤT VŨ HOÀNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NỘI THẤT VŨ HOÀNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VU HOANG CONSTRUCTION AND INTERIOR JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VU HOANG CONSTRUCTION AND INTERIOR.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109205333

**3. Ngày thành lập:** 03/06/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 78, tổ 3 Đa Sỹ , Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                        | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                | 4101     |
| 2.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                          | 4102     |
| 3.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                    | 4211     |
| 4.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                     | 4212     |
| 5.  | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                         | 4221     |
| 6.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                              | 4222     |
| 7.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                               | 4223     |
| 8.  | Xây dựng công trình công ích khác<br>Chi tiết:<br>Xây dựng công trình xử lý bùn.                                                                                                                                                 | 4229     |
| 9.  | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                         | 4291     |
| 10. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                  | 4292     |
| 11. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                            | 4293     |
| 12. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết:<br>- Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời.<br>- Chia tách đất với cải tạo đất (ví dụ: đắp, mở rộng đường, cơ sở hạ tầng công...). | 4299     |
| 13. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                           | 4311     |
| 14. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                | 4312     |
| 15. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                            | 4321     |
| 16. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                            | 4322     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | <p>Lắp đặt hệ thống xây dựng khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này.</li> <li>- Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thang máy, thang cuốn,</li> <li>+ Cửa cuốn, cửa tự động,</li> <li>+ Dây dẫn chống sét,</li> <li>+ Hệ thống hút bụi,</li> <li>+ Hệ thống âm thanh,</li> <li>+ Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.</li> </ul> </li> </ul>                                                                                                                     | 4329 |
| 18. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4330 |
| 19. | <p>Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc,</li> <li>- Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước,</li> <li>- Chống ẩm các toà nhà,</li> <li>- Đào giếng (trong ngành khai thác mỏ),</li> <li>- Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối,</li> <li>- Uốn thép,</li> <li>- Xây gạch và đặt đá,</li> <li>- Lợp mái các công trình nhà để ở,</li> <li>- Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo,</li> <li>- Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp,</li> <li>- Các công việc dưới bề mặt;</li> <li>- Xây dựng bể bơi ngoài trời;</li> <li>- Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà;</li> <li>- Thuê cần trục có người điều khiển.</li> </ul> | 4390 |
| 20. | <p>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện</li> <li>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4649 |
| 21. | <p>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến</li> <li>- Bán buôn xi măng</li> <li>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi</li> <li>- Bán buôn kính xây dựng</li> <li>- Bán buôn sơn, vécni</li> <li>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh</li> <li>- Bán buôn đồ ngũ kim</li> <li>- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4663 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 22. | <p>Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh</li> <li>- Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh</li> <li>- Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh</li> <li>- Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh</li> <li>- Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh</li> <li>- Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4752 |
| 23. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4753 |
| 24. | <p>Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh</li> <li>- Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4759 |
| 25. | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khảo sát xây dựng</li> <li>- Thiết kế quy hoạch xây dựng</li> <li>- Thiết kế kiến trúc công trình</li> <li>- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp</li> <li>- Thiết kế điện - cơ điện công trình</li> <li>- Thiết kế cấp - thoát nước công trình</li> <li>- Thiết kế xây dựng công trình giao thông</li> <li>- Thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn</li> <li>- Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật</li> <li>- Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật</li> <li>- Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông</li> <li>- Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn</li> <li>- Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình</li> <li>- Định giá xây dựng</li> <li>- Kiểm định xây dựng</li> <li>- Lập quy hoạch xây dựng</li> <li>- Lập dự án đầu tư</li> <li>- Tư vấn lập hồ sơ mời thầu</li> <li>- Tư vấn lập quy hoạch đô thị</li> </ul> | 7110 |

|     |                                                                                                             |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 26. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ thiết kế đồ họa<br>- Hoạt động trang trí nội thất. | 7410(Chính) |
| 27. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                           | 1621        |
| 28. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                     | 1622        |
| 29. | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                     | 1623        |
| 30. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện                    | 1629        |
| 31. | Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                              | 1610        |
| 32. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                               | 3100        |

**6. Vốn điều lệ:** 4.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | VŨ THỊ THU HIỀN | Đội 4, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                  | Cổ phần phổ thông         | 144.000    | 1.440.000.000         | 30,000    | 013232929                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số                   | 144.000    | 1.440.000.000         | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                   |                                                                                           |                                    |         |               |        |                  |  |
|---|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------|---------------|--------|------------------|--|
| 2 | VŨ MẠNH<br>CHIẾN  | Thôn Hải Bối, Xã<br>Hải Bối, Huyện<br>Đông Anh, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam          | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 192.000 | 1.920.000.000 | 40,000 | 0360840002<br>51 |  |
|   |                   |                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                   |                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                   |                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                   |                                                                                           | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                   |                                                                                           | Tổng số                            | 192.000 | 1.920.000.000 | 40,000 |                  |  |
|   |                   |                                                                                           |                                    |         |               |        |                  |  |
| 3 | HOÀNG<br>NGỌC TÂN | Số 78, tổ 3 Đa Sỹ,<br>Phường Kiến<br>Hưng, Quận Hà<br>Đông, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 144.000 | 1.440.000.000 | 30,000 | 0190840000<br>76 |  |
|   |                   |                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                   |                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                   |                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                   |                                                                                           | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                   |                                                                                           | Tổng số                            | 144.000 | 1.440.000.000 | 30,000 |                  |  |
|   |                   |                                                                                           |                                    |         |               |        |                  |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|     |             |                                                                                  |                 |               |                                                                                     |              |                                                                                                                                             |            |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **VŨ MẠNH CHIẾN**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *01/03/1984*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *036084000251*

Ngày cấp: *23/10/2014*

Nơi cấp: *Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Hải Bối, Xã Hải Bối, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Hải Bối, Xã Hải Bối, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội